

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 08-5-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nhân

2. Bà Quách Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2024/QĐ-TA ngày 24/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm Đình T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có đơn xin vắng mặt

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Hồng T1, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/03/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Phạm Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T2 và chị T1 trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 24/8/2015. Vợ chồng chung sống đầm ấm được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm với nhau dẫn đến không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, bất hòa, mặc dù đã được hai bên hàn

gắn nhưng không thành. Hiện vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau. Xét thấy, vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau, cuộc sống không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn, làm cho hôn nhân làm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh **T2** yêu cầu được ly hôn với chị **T1**.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là **Phạm Ngọc D**, sinh ngày 13/01/2016, giới tính nữ và cháu **Phạm Bích D1**, sinh ngày 28/9/2017, giới tính nữ (hiện 02 con chung đang sống cùng chị **T1**). **Anh T2** yêu cầu giao 02 con chung cho chị **T1** tiếp tục nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng cho con chung mỗi con chung là 2.000.000 đồng/tháng (tổng cộng 02 con chung là 4.000.000 đồng/tháng), cấp dưỡng từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con đủ 18 tháng tuổi.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị **Phạm Thị Hồng T1** vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nên không có lời trình bày.*

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh **Phạm Đình T** đối với chị **Phạm Thị Hồng T1**.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu **Phạm Ngọc D**, sinh ngày 13/01/2016, giới tính nữ và cháu **Phạm Bích D1**, sinh ngày 28/9/2017, giới tính nữ cho chị **T1** tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: **Anh T2** cấp dưỡng nuôi con chung là **Phạm Ngọc D** và **Phạm Bích D1** mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng (02 con chung là 4.000.000 đồng/tháng), cấp dưỡng từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung đủ 18 tháng tuổi. **Anh T2** được quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn anh **Phạm Đình T** có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét vắng mặt anh **T**.

Bị đơn chị **Phạm Thị Hồng T1** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị **T1**.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Anh **Phạm Đình T** yêu cầu xin ly hôn, giải quyết con chung, cấp dưỡng nuôi con nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con”.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh **T2** và chị **T1** trên cơ sở yêu thương nhau tự nguyện kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/8/2015 theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn kéo dài và không còn tình cảm mặc dù đã được hai bên hàn gắn nhưng không thành, hiện anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh **Phạm Đình T**.

[4] *Về quan hệ con chung*: Anh **T2** và chị **T1** có 02 con chung là **Phạm Ngọc D**, sinh ngày 13/01/2016, giới tính nữ và **Phạm Bích D1**, sinh ngày 28/9/2017, giới tính nữ (hiện 02 con chung đang sống cùng chị **T1**). Anh **T2** yêu cầu giao 02 con chung cho chị **T1** tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện 02 con chung đang sống chung cùng chị **T1** cuộc sống được đảm bảo. Vì vậy, xét về lợi ích mọi mặt và để đảm bảo cuộc sống cho con chung nên căn cứ Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên giao con chung là **Phạm Ngọc D**, sinh ngày 13/01/2016, giới tính nữ và **Phạm Bích D1**, sinh ngày 28/9/2017, giới tính nữ cho chị **Phạm Thị Hồng T1** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **T2** có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại đơn khởi kiện anh **T2** đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là **Phạm Ngọc D** và **Phạm Bích D1** mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng (tổng cộng 02 con chung là 4.000.000 đồng/tháng), cấp dưỡng từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con đủ 18 tháng tuổi. Xét thấy, anh **T2** là cha ruột của các cháu **Ngọc D** và **Bích D1** nhưng do anh **T2** không trực tiếp nuôi các con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con. Việc anh **T2** đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng/cháu (tổng cộng 02 con chung là 4.000.000 đồng/tháng), cấp dưỡng khi Bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp pháp luật được quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều

110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh **T2** là cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng/cháu (tổng cộng 02 con chung là 4.000.000 đồng/tháng), ngày cấp dưỡng được ấn định vào ngày 15 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 15/6/2024 cho đến khi các con đủ 18 tháng tuổi.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về án phí xin ly hôn*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. **Anh T2** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005408 ngày 13/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Phạm Đình T** được ly hôn với chị **Phạm Thị Hồng T1**.

2- Về con chung: Giao con chung là **Phạm Ngọc D**, sinh ngày 13/01/2016, giới tính nữ và **Phạm Bích D1**, sinh ngày 28/9/2017, giới tính nữ (hiện các con chung đang sống cùng chị **T1**) cho chị **T1** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **T** có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: **Anh T2** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng/cháu (tổng cộng 02 con chung là 4.000.000 đồng/tháng), ngày cấp dưỡng được ấn định vào ngày 15 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 15/6/2024 cho đến khi các con đủ 18 tháng tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án dân sự nếu anh **T2** không trả số tiền cấp dưỡng trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự 2015.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu về tài sản chung, xác định không có nợ chung nên không xem xét.

4- Về án phí sơ thẩm: Anh **Phạm Đình T** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005408 ngày 13/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Là 300.000 đồng, anh **Phạm Đình T** phải chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

5- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự anh **T**, chị **T1** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã An Nông (nơi đăng ký kết hôn);
- UBND xã Phong Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Thị Phượng

